

Số: 2398 /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 13 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2022 - 2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;*

*Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 10-HD/BTCTW ngày 22/10/2021 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa XII và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ;*

*Căn cứ Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;*

*Căn cứ Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;*

*Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;*

*Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh chủ trương tinh giản biên chế;*

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026 và Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNV ngày 30/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Bắc Kạn năm 2022 và Công văn số 5976/BNV-TCBC ngày 26/11/2021 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Bắc Kạn năm 2022;

Căn cứ Công văn số 4126/BNV-TCBC ngày 24/8/2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định tuổi hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP và Công văn số 3538/BNV-TCBC ngày 28/7/2022 của Bộ Nội vụ về việc tính hưởng chế độ, chính sách tinh giản biên chế.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 153/TTr-SNV ngày 06/7/2022, Công văn số 1107/SNV-TCBC&CCHC ngày 20/7/2022 và Công văn số 1751/SNV-TCBC&CCHC ngày 24/10/2022, Công văn số 2061/SNV-TCBC&CCHC ngày 09/12/2022.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tinh giản biên chế tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2022 - 2026.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Gửi bản giấy và điện tử:
- Bộ Nội vụ (b/c).
- Gửi bản điện tử:
- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các huyện ủy, thành ủy (để phối hợp);
- LĐVP;
- Lưu: VT, HàQT, Lan, Lê, Thuyên.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Duy Hưng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐỀ ÁN**

### **Tinh giản biên chế tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2022 - 2026**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

## **Phần thứ nhất**

### **CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN**

#### **I. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ TINH GIẢN BIÊN CHẾ**

**1. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó nêu rõ mục tiêu cụ thể:**

- Giai đoạn đến năm 2021: “..Giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2015”.

- Đến năm 2025: “ - Tiếp tục giảm tối thiểu bình quân cả nước 10% đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.”.

- Đến năm 2030: “..Giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025”.

**2. Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trong đó Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:**

“ 2.2. Thực hiện tinh giản biên chế có trọng tâm, trọng điểm, không cào bằng và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị..... Giai đoạn 2022 - 2026 cơ bản không tăng biên chế cán bộ, công chức và thực hiện giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021..... Gắn tinh giản biên chế với đổi mới tổ chức bộ máy, cải cách chế độ tiền lương, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, thu hút người có đức, có tài vào làm việc trong hệ thống chính trị”.

**3. Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026, trong đó Bộ Chính trị kết luận:**

“ 1. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Giai đoạn 2021 - 2026, toàn hệ thống chính trị tinh giản ít nhất 5% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước”.

## II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015.
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.
3. Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008.
4. Luật Viên chức ngày 15/11/2010.
5. Bộ luật Lao động ngày 20/11/2019.
6. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.
7. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.
8. Hướng dẫn số 10-HD/BTCTW ngày 22/10/2021 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khoá XII và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ.
9. Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.
10. Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026.
11. Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.
12. Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026.
13. Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026 và Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.
14. Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.
15. Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

16. Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

17. Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

18. Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ.

19. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

20. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

21. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

22. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

23. Nghị quyết số 76/NQQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

24. Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

25. Thông tư số 117/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

26. Công văn số 4126/BNV-TCBC ngày 24/8/2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định tuổi hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP.

27. Quyết định số 1026/QĐ-BNV ngày 30/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Bắc Kạn năm 2022.

28. Công văn số 5976/BNV-TCBC ngày 26/11/2021 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Bắc Kạn năm 2022.

29. Công văn bản số 3538/BNV-TCBC ngày 28/7/2022 của Bộ Nội vụ về việc tính hưởng chế độ, chính sách tinh giản biên chế.

### III. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một trong các nội dung quan trọng của cải cách nền hành chính nhà nước luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Đội ngũ cán bộ, công chức, người làm việc (*viên chức*) đóng giữ vị trí quan trọng trong quản lý, xây dựng hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, là nhân tố quan trọng quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung và tỉnh Bắc Kạn nói riêng. Việc sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phải căn cứ vào tiêu chuẩn, nhu cầu, vị trí việc làm; đánh giá cán bộ, công chức, viên chức phải dựa trên kết quả công vụ và gắn với thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu; tiến hành phân loại cán bộ, công chức, viên chức để đưa những người không đáp ứng được yêu cầu công việc ra khỏi nền công vụ, bổ sung những người mới có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực vào trong nền công vụ. Qua đó, chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh từng bước được nâng cao về phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực thực thi công vụ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, thực tiễn tại tỉnh chính sách tinh giản biên chế chưa thực sự giảm được những người cần giảm; chưa khắc phục được tình trạng “*vừa thừa lại vừa thiếu*” biên chế trong các cơ quan, đơn vị, địa phương; vẫn còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa làm tốt công tác phân loại đánh giá cán bộ, công chức, viên chức,... Đặc biệt, hiện nay vẫn còn một bộ phận nhỏ công chức, viên chức không làm được việc hoặc không đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ được giao, hoặc yếu kém về phẩm chất, đạo đức, văn hóa ứng xử đã tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động công vụ, chất lượng phục vụ.

Từ những hạn chế nêu trên cho thấy, việc tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức hiện nay là một yêu cầu rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội được giao biên chế (*các cơ quan, đơn vị*) trên phạm vi toàn tỉnh.

Thực hiện tinh giản biên chế là công việc khó, nhạy cảm vì liên quan trực tiếp đến con người, đến đời sống, chế độ, chính sách của cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP (*HD68*) nên yêu cầu phải có sự quyết tâm, phối hợp thực hiện chặt chẽ, đồng bộ nhiều nhiệm vụ, giải pháp; phải có Đề án tổng thể với lộ trình khoa học đề thống nhất chỉ đạo thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh phù hợp với các quy định của pháp luật và thực tiễn địa phương. Vì vậy, việc xây dựng Đề án tinh giản biên chế tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2022 - 2026 là yêu cầu có tính cấp thiết.

#### Phần thứ hai

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ, ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

#### I. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ

##### 1. Đối với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện

- Cấp tỉnh: Số lượng cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân (*UBND*) tỉnh tại thời điểm 31/12/2021 là 20 đơn vị, gồm: 19 cơ quan chuyên môn và tương đương; 01 cơ quan, tổ chức khác.

- Cấp huyện: Số lượng cơ quan, tổ chức hành chính thuộc UBND huyện, thành phố (*UBND cấp huyện*) tại thời điểm 31/12/2021 là 88 đơn vị thuộc 08 huyện, thành phố.

## **2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập**

Tính đến thời điểm 31/12/2021, toàn tỉnh có 388 đơn vị, giảm 76 đơn vị so với thời điểm năm 2015 (*464 đơn vị*), trong đó:

- Chia theo loại hình sự nghiệp: Giáo dục (305); Y tế (12); Khoa học (01); Văn hóa, thông tin và truyền thông (14) và sự nghiệp khác (56).

- Chia theo mức độ tự chủ:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 338.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 29.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: 21.

## **II. VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

### **1. Về số lượng công chức, viên chức**

- Công chức: Tổng biên chế được Bộ Nội vụ giao cho tỉnh năm 2022 là 1.489 biên chế, trong đó khối UBND cấp huyện 596 biên chế và khối sở, ngành 893 biên chế.

- Viên chức: Tổng số lượng người làm việc được Bộ Nội vụ thẩm định cho tỉnh năm 2022 là 10.253 người gồm: 9.168 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước (*NSNN*) và 1.085 người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (*NTSN*), trong đó:

+ Sự nghiệp Giáo dục: 7.345 người (*7.311 người hưởng lương từ NSNN và 34 người hưởng lương từ NTSN*).

+ Sự nghiệp Y tế: 1.778 người (*1.053 người hưởng lương từ NSNN và 725 người hưởng lương từ NTSN*).

+ Sự nghiệp Văn hóa: 285 người (*277 người hưởng lương từ NSNN và 07 người hưởng lương từ NTSN*).

+ Sự nghiệp Khoa học: 15 người hưởng lương từ NSNN.

+ Sự nghiệp khác: 538 người (*512 người hưởng lương NSNN và 26 người hưởng lương từ NTSN*).

### **2. Về chất lượng công chức, viên chức**

- Công chức: Trong tổng số có mặt 1.367 có:

+ Nữ: 610 (*44,62%*);

+ Đảng viên: 1.213 (*88,73%*).

+ Dân tộc thiểu số: 1.008 (*73,73%*)

+ Cơ cấu ngạch công chức: 09 chuyên viên cao cấp (*0,67%*); 286 chuyên viên chính (*20,92%*); 995 chuyên viên (*72,78%*); 67 cán sự (*4,90%*); 10 nhân viên (*0,73%*)

+ Trình độ chuyên môn: 10 tiến sĩ (*0,73%*); 315 thạc sĩ (*23,04%*), 993 đại học (*72,64%*), 16 cao đẳng (*1,17%*), 33 trung cấp và sơ cấp (*2,42%*).

+ Trình độ lý luận chính trị: 03 Cử nhân (*0,30%*); 506 Cao cấp (*37,01%*); 387 Trung cấp (*28,31%*); 41 Sơ cấp (*3,00%*).

- Viên chức: Trong tổng số có mặt 8.713 có:

- + Nữ: 6.726 (77,19%);
- + Đảng viên: 6.390 (73,34%).
- + Dân tộc thiểu số: 7.409 (85,03%)
- + Cơ cấu theo lĩnh vực: Sự nghiệp Giáo dục 6.355 người (72,94%); sự nghiệp Y tế 1.685 người (19,33%); sự nghiệp Khoa học 13 người (1,15%); sự nghiệp Văn hóa 247 người (2,83%); sự nghiệp khác 408 người (3,75%).
- + Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp: 01 hạng I (0,01%); 1.132 hạng II (12,99%); 4.257 hạng III (48,86%); 3.323 (37,14%).
- + Trình độ chuyên môn: 21 tiến sĩ (0,24%); 464 thạc sĩ (5,32%), 5.523 đại học (63,39%), 1.762 cao đẳng (20,22%), 943 trung cấp (10,83%).
- + Trình độ lý luận chính trị: 04 Cử nhân (0,04%); 226 Cao cấp (2,60%); 1.333 Trung cấp (15,30%); 1.218 Sơ cấp (13,98%);

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TỈNH GIẢN BIÊN CHẾ GIAI ĐOẠN 2015 - 2021**

#### **1. Tổ chức thực hiện**

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kế hoạch số 199-KH/TU ngày 22/6/2015 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Đề án số 03-ĐA/TU ngày 10/5/2017 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ trong hệ thống chính trị giai đoạn 2016 - 2021, Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể (*Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 10/8/2017 về việc thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế giai đoạn 2016 - 2021; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2017 về việc thực hiện Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*).

Thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 21/5/2015 về việc thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 31/8/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2017 về việc thực hiện Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trong đó yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải có kế hoạch tinh giản biên chế để bảo đảm đến năm 2021 tinh giản được tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015. Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 31/8/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 512/KH-UBND ngày 29/11/2018 triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế, Công văn số



4947/UBND-NCPC ngày 21/8/2020 điều chỉnh một số nội dung trong thực hiện chính sách tinh giản phù hợp với thực tế. Hiện nay, công tác tinh giản biên chế thực hiện theo Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 582/KH-UBND ngày 22/9/2021 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện.

Trên cơ sở các nội dung kế hoạch nêu trên, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy và tinh giản biên chế giai đoạn năm 2017- 2021 bảo đảm đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Đồng thời, triển khai quán triệt, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị với nhiều hình thức. Qua đó đã tạo được sự đồng thuận của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về chủ trương thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị.

Năm 2015, tỉnh Bắc Kạn được giao 1.701 biên chế công chức, 10.448 người làm việc (*viên chức*) và 428 chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 60/2000/NĐ-CP (HĐ68), mục tiêu thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021 là: 170 công chức, 1.044 viên chức và 43 chỉ tiêu HĐ68.

## 2. Kết quả đạt được

Kết quả quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức và HĐ68 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015 - 2021 như sau:

Năm	<i>Công chức</i>		<i>Viên chức</i>		<i>HĐ68</i>	
	Số giao	Số cắt giảm	Số giao	Số cắt giảm	Số giao	Số cắt giảm
<b>2015</b>	1.701		10.448		428	
<b>2016</b>	1.671	30	10.448		428	
<b>2017</b>	1.646	25	10.448		428	
<b>2018</b>	1.573	73 <sup>1</sup>	10.121	327	421	7
<b>2019</b>	1.539	34	9.914	207	413	8
<b>2020</b>	1.512	27	9.628	286	405	8
<b>2021</b>	1.489	23	9.336	292	397	8
<b>TỔNG GIẢM</b>		<b>212</b>		<b>1.112</b>		<b>31</b>

Với mục tiêu của giai đoạn 2015 - 2021, giảm tối thiểu 10% số biên chế giao năm 2015, tính đến hết năm 2021 đã thực hiện được:

+ Công chức: Số biên chế giao năm 2021 là 1.489, so với số biên chế giao năm 2015 (1.701) đã giảm 212 biên chế đạt 12,46%, trong đó tinh giản thực chất thông qua xét hồ sơ đề nghị tinh giản biên chế 68 người tương đương 4,0%.

<sup>1</sup> Số biên chế công chức năm 2018 giảm so với năm 2017 là 73, gồm 24 biên chế cắt giảm và 49 biên chế công chức của Cục Quản lý thị trường chuyển về Tổng cục Quản lý thị trường, Bộ Công Thương từ tháng 10/2018

+ Viên chức: Số biên chế giao năm 2021 là 9.336, so với số biên chế giao năm 2015 (10.448) đã giảm 1.112 biên chế đạt 10,64%, trong đó tinh giản thực chất thông qua xét hồ sơ đề nghị tinh giản biên chế 123 người tương đương 1,18%.

+ HĐ68: Số chỉ tiêu giao năm 2021 là 397, so với số chỉ tiêu giao năm 2015 (428) đã giảm 31 chỉ tiêu 7,24%, trong đó tinh giản thực chất thông qua xét hồ sơ đề nghị tinh giản biên chế 11 người tương đương 2,57%.

Số liệu thực hiện theo từng năm trong giai đoạn 2015 - 2021 như sau:

Năm	Số liệu thực hiện tinh giản biên chế thông qua xét hồ sơ		
	Công chức	Viên chức	HĐ68
2015	11	29	1
2016	7	6	
2017	6	13	1
2018	13	14	1
2019	9	26	4
2020	14	21	1
2021	8	14	3
<b>TỔNG</b>	<b>68</b>	<b>123</b>	<b>11</b>

### 3. Đánh giá chung

#### 3.1. Thuận lợi

- Được sự thống nhất trong nhận thức, hành động, nhất quán trong chỉ đạo và thực hiện trong các cơ quan, đơn vị, chính sách tinh giản biên chế được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định nên tỉnh đã hoàn thành được tỷ lệ tinh giản tối thiểu 10% biên chế so với năm 2015 (*công chức đạt 12,46%, viên chức đạt 10,64%*).

- Việc thực hiện tinh giản biên chế được thực hiện công khai, bảo đảm dân chủ, đánh giá xếp loại đúng quy định, đúng đối tượng trong các cơ quan, đơn vị.

- Công tác sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức được thực hiện theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng, hiệu quả làm việc, theo vị trí việc làm.

- Chế độ, chính sách tinh giản biên chế cho các đối tượng tinh giản biên chế được thực hiện đúng quy định và kịp thời.

#### 3.2. Khó khăn

- Do số lượng biên chế công chức, viên chức của tỉnh được giao, thẩm định thấp hơn mặt bằng chung các tỉnh trong cả nước nên việc giao biên chế cho các đơn vị cơ bản chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tế được giao (*khó hành chính còn thiếu biên chế công chức chủ yếu là của lực lượng kiểm lâm; các đơn vị sự nghiệp công lập còn thiếu biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN theo định mức chủ yếu tập trung ở sự nghiệp Giáo dục và sự nghiệp Y tế*). Mặt khác, hàng

năm tỉnh phải thực hiện cắt giảm biên chế theo tỷ lệ tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015, do đó khó khăn trong việc cân đối, phân bổ biên chế cho các cơ quan, đơn vị.

- Tỉnh gặp khó khăn trong việc thực hiện tách biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN và hưởng lương từ NTSN theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, do một số các Bộ quản lý chuyên ngành chưa kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm và định mức biên chế theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP.

### **Phần thứ ba**

## **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ GIAI ĐOẠN 2022 - 2026**

#### **I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Đề án này đề cập đến việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với công chức, viên chức, HĐ68 làm việc trong các cơ quan, các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bắc Kạn theo quy định phân cấp.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Công chức, viên chức, HĐ68 làm việc trong các cơ quan, các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bắc Kạn theo quy định phân cấp.

#### **II. QUAN ĐIỂM**

1. Quá trình thực hiện phải công khai, khách quan, dân chủ, công bằng; tổ chức triển khai thực hiện tinh giản biên chế bảo đảm đúng nguyên tắc và trình tự quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức triển khai thực hiện tinh giản biên chế; kết quả thực hiện được gắn với việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm.

3. Quản lý, sử dụng chặt chẽ số lượng biên chế công chức, viên chức và chỉ tiêu HĐ68 sau khi thực hiện tinh giản biên chế để bảo đảm đủ nhân lực phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị; đồng thời phải đảm bảo lộ trình tinh giản biên chế theo quy định.

#### **III. MỤC TIÊU**

1. Đưa ra khỏi biên chế những người dôi dư, không đáp ứng yêu cầu công việc, không thể tiếp tục bố trí sắp xếp công tác khác để từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ. Đồng thời thực hiện kịp thời, đầy đủ việc giải quyết chế độ, chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế.

2. Tinh giản biên chế, đồng thời thực hiện cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, HĐ68 để nâng cao chất lượng đội ngũ; thu hút người có đức, có tài vào hoạt động công vụ trong các cơ quan, đơn vị, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3. Thực hiện tinh giản biên chế gắn với phân loại, đánh giá lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, HĐ68 trong cơ quan, đơn vị; rà soát, xác định lại chức năng, nhiệm vụ, xây dựng tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, khoa học. Bố trí đúng người, đúng việc theo vị trí việc làm và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với thực hiện đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức.

4. Xây dựng lộ trình tăng mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định hiện hành; từng bước tăng số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN sang hưởng lương từ NTSN góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2025 giảm 10% số người làm việc hưởng lương từ NSNN. Đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa cung cấp dịch vụ công từng bước thay thế nguồn trả lương từ NSNN bằng NTSN.

5. Các mục tiêu cụ thể theo lộ trình đến năm 2026:

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/BCT ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026, tỉnh Bắc Kạn tính đến năm 2026 được giao: **1.415** biên chế công chức (*giảm 74 biên chế so với số biên chế công chức giao năm 2021, tương ứng 5%*) và **8.402** biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN (*giảm 934 biên chế so với số biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2021, tương ứng 10% và không bao gồm số biên chế viên chức giao cho các tổ chức Hội được giao biên chế*). Phương án tinh giản biên chế giai đoạn đến năm 2026 theo lộ trình dự kiến cụ thể như sau:

TT	Năm	Số liệu tinh giản biên chế chi tiết theo năm			
		Công chức	Số lượng biên chế tinh giản (cắt giảm)	Viên chức	Số lượng biên chế tinh giản (cắt giảm)
<b>Tổng</b>			<b>74</b>		<b>934</b>
1	2022	1.489	0	9.168	168
2	2023	1.473	16	8.984	184
3	2024	1.458	15	8.796	188
4	2025	1.437	21	8.603	193
5	2026	1.415	22	8.402	201

- Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức Hội được giao biên chế, đồng thời xem hiệu quả sử dụng các nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao để xác định số lượng biên chế giao bảo đảm phù hợp, hiệu quả.

- Rà soát HĐ68 của các cơ quan, đơn vị để thực hiện cắt giảm, điều chỉnh HĐ68 bảo đảm phù hợp với tính chất công việc của các cơ quan, đơn vị theo Công văn số 224/UBND-TH ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh. Xem xét thực hiện thuê khoán đối với một số vị trí hợp đồng lao động.

#### IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, HĐ68 về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách tinh giản biên chế

2. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị theo các nội dung đã nêu tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015, Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị; Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản lý, sử dụng biên chế

- Thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức đúng theo vị trí việc làm; rà soát trình độ đào tạo, năng lực của công chức, viên chức để có kế hoạch sắp xếp, bố trí sử dụng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, bảo đảm cơ cấu phù hợp về nữ, người dân tộc thiểu số. Hằng năm, rà soát, thực hiện tinh giản biên chế đối với những công chức, viên chức không hoàn thành, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của vị trí việc làm và các tiêu chuẩn khác theo quy định hiện hành (*phẩm chất, năng lực, sức khỏe, trình độ*), những người dôi dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

- Rà soát, xác định cơ cấu, số lượng HĐ68 của các cơ quan, đơn vị để làm cơ sở cho việc bố trí, sử dụng cán bộ hợp đồng hợp lý, tiết kiệm kinh phí.

4. Đẩy mạnh thực hiện thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập

- Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và tự chủ một phần chi thường xuyên. Các đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thuộc lĩnh vực quản lý. Nghiên cứu, tham khảo các giải pháp của đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh “Nghiên cứu đề xuất giải pháp thực hiện cơ chế tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn” nhằm nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp. Đẩy mạnh chuyển đổi thêm số lượng viên chức hưởng lương từ NSNN sang hưởng lương từ NTSN tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ. Chuẩn bị các điều kiện, phân đầu thực hiện chuyển đổi 10% số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN sang hưởng lương từ NTSN giai đoạn 2022 - 2026.

- Nghiên cứu triển khai thực hiện chính sách xã hội hóa đối với lĩnh vực giáo dục, y tế trên địa bàn tỉnh đối với những nơi có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi; xây dựng, ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi để thu hút đầu tư trong thực hiện công tác xã hội hóa đối với lĩnh vực giáo dục, y tế.

5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý công chức, viên chức, HĐ68

- Nâng cao chất lượng tuyển dụng công chức, viên chức; tăng cường thu hút, tiếp nhận công chức, viên chức có năng lực, trình độ, có kinh nghiệm thực tiễn vào công tác tại các cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nhất là kỹ năng lãnh đạo, quản lý đối với công chức, viên chức trong quy hoạch lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Thực hiện nghiêm việc đánh giá công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị dựa chủ yếu trên kết quả thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm thực chất, không hình thức, nể nang, né tránh; sử dụng, bố trí công chức, viên chức đúng vị trí, đúng năng lực, sở trường, phù hợp với vị trí việc làm.

- Hoàn thiện kế hoạch, chương trình, nội dung, hình thức bồi dưỡng công chức, viên chức bảo đảm chất lượng bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm và yêu cầu công tác của các cơ quan, đơn vị. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức đặc biệt là các cán bộ được quy hoạch vào chức danh lãnh đạo để đảm bảo đủ các điều kiện cho công tác bổ nhiệm sau này.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị và từng công chức, viên chức để tiết kiệm nhân lực, thời gian, kinh phí và nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

## **V. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nội vụ**

1.1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Đề án theo đúng quy định tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

1.2. Tham mưu thực hiện cơ chế tự chủ về bộ máy, biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi mô hình hoạt động.

1.3. Chủ trì tham mưu UBND tỉnh giao số lượng người làm việc hưởng lương từ NTSN tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên trên địa bàn.

1.4. Chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị tinh giản biên chế, lập danh sách đối tượng đủ điều kiện thực hiện tinh giản biên chế trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

1.5. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện, sơ kết, tổng kết Đề án báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

### **2. Sở Tài chính**

2.1. Tăng cường các giải pháp đẩy mạnh cơ chế tự chủ về tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

2.2. Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và quy định phân cấp hiện hành. Chủ trì thực hiện thẩm định kinh phí thực hiện tinh giản biên chế, hướng dẫn thủ tục cấp phát, thanh quyết toán kinh phí giải quyết chế độ cho đối tượng tinh giản biên chế; tổng hợp, đề nghị Bộ Tài chính cấp bổ sung kinh phí và thực hiện việc quyết toán kinh phí chi trả cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính về kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

### **3. Các sở, ngành và tương đương; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố; các tổ chức hội được giao biên chế**

3.1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách tinh giản biên chế của Đảng và Nhà nước, các quy định của pháp luật có liên quan và nội dung Đề án đến công chức, viên chức, HĐ68 thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp được biết để tổ chức thực hiện đạt mục tiêu đề ra.

3.2. Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan để thực hiện việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức máy; chuyển đổi mô hình hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp hiện hành.

3.3. Xây dựng Đề án tinh giản biên chế của đơn vị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Trên cơ sở Đề án tinh giản biên chế được phê duyệt, lập danh sách công chức, viên chức, HĐ68 đề nghị Sở Nội vụ thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách đối tượng đủ điều kiện thực hiện chính sách tinh giản biên chế và đề nghị Sở Tài chính thẩm định về kinh phí giải quyết chế độ, chính sách.

3.4. Thực hiện việc chi trả chế độ, chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định phân cấp.

3.5. Thực hiện nghiêm việc tuyển dụng, tiếp nhận, sử dụng, quản lý công chức, viên chức, HĐ68 trong phạm vi số lượng biên chế, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao hàng năm và việc xếp loại chất lượng hàng năm.

3.6. Sở Tư pháp phối hợp, hỗ trợ Sở Nội vụ giải quyết những vướng mắc phát sinh (nếu có) về căn cứ pháp lý trong quá trình thẩm định hồ sơ tinh giản biên chế.

3.7. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Bắc Kạn, Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh công tác truyền thông về chính sách tinh giản biên chế, thực hiện cơ chế tự chủ, mô hình tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện Đề án và các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về chính sách tinh giản biên chế đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

### **4. Bảo hiểm xã hội tỉnh**

4.1. Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Đề án và giải quyết những vướng mắc phát sinh về quá trình tham gia bảo hiểm của đối tượng tinh giản biên chế.

4.2. Thực hiện giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội đối với các đối tượng tinh giản biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **5. Kinh phí thực hiện đề án**

5.1. Các cơ quan, đơn vị thực hiện việc giải quyết chế độ, chính sách cho các đối tượng tinh giản biên chế theo nội dung hướng dẫn cách tính toán chế độ chính sách cho các đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 và Thông tư số 117/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính.

5.2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, kinh phí giải quyết chế độ chính sách sử dụng từ nguồn thu và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành.

## **VI. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT**

1. Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế trình Bộ Chính trị sớm giao bổ sung biên chế công chức, viên chức còn thiếu theo số liệu đề xuất của địa phương phù hợp với Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị.

2. Đề nghị Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy và các đảng ủy trực thuộc tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền và thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế theo quy định và xem xét, đánh giá trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị gắn với kết quả thực hiện Đề án.

Trên đây là Đề án tinh giản biên chế tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2022 - 2026, UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện. Nếu có vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để xem xét điều chỉnh kịp thời, phù hợp với thực tiễn địa phương./.